

BẢNG QUY CHUẨN KÍCH THƯỚC & TỶ TRỌNG THỰC TẾ
SẢN XUẤT CỦA ĐỨC VIỆT STEEL PIPE

ỐNG THÉP TRÒN MẠ KẼM

GALVANIZED ROUND STEEL PIPE

ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ	ĐỘ DÀY THÀNH ỐNG (mm) / WALL THICKNESS (mm)								
Dimension (mm)	Length (mm)	CÂY/BÓ	0,7	0,8	0,9	1,0	1,1	1,2	1,4	1,8	2,0
Ø 21.2	6000	127				2.63	2.89	3.16	3.60		
Ø 26.65	6000	127				3.34	3.67	3.98	4.62		
Ø 31.8	6000	91									
Ø 33.5	6000	91				4.17	4.59	5.00	5.78		
Ø 42.2	6000	61				5.30	5.83	6.36	7.37	9.59	10.65
Ø 48.1	6000	61				5.99	6.59	7.14	8.33	10.76	11.96
Ø 59.9	6000	37				7.49	8.24	8.99	10.43	13.49	14.99
Ø 75.6	6000	37				9.51	10.46	11.37	13.26	17.18	19.09
Ø 88.3	6000	19							15.53	20.13	22.37
Ø 113.5	6000	19							20.07	26.03	28.92

ỐNG THÉP VUÔNG - CHỮ NHẬT MẠ KẼM

GALVANIZED SQUARE - RECTANGULAR STEEL PIPES

QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ	ĐỘ DÀY THÀNH ỐNG (mm) / WALL THICKNESS (mm)								
Dimension (mm)	Length (mm)	CÂY/BÓ	0,7	0,8	0,9	1,0	1,1	1,2	1,4	1,8	2,0
□ 14x14	6000	196				2.15	2.32	2.53	2.95		
□ 16x16	6000	169									
□ 20x20	6000	144				3.08	3.34	3.64	4.25		
□ 25x25	6000	100			3.54	3.89	4.23	4.62	5.38		
□ 30x30	6000	100				4.70	5.12	5.59	6.52	8.41	9.34
□ 40x40	6000	64				6.31	6.90	7.53	8.73	11.28	12.53
□ 50x50	6000	64				7.89	8.68	9.42	11.00	14.23	15.81
□ 75x75	6000	25					13.14	14.33	16.66	21.60	24.00
□ 90x90	6000	16							20.07	26.03	28.92
□ 100x100	6000	16							22.33	28.98	32.20
□ 13x26	6000	128				3.04	3.30	3.60	4.19		
□ 20x40	6000	98				4.70	5.12	5.59	6.52	8.41	9.34
□ 25x50	6000	72				5.91	6.46	7.04	8.22	10.62	11.80
□ 30x60	6000	50				7.08	7.75	8.45	9.86	12.76	14.17
□ 40x80	6000	50				9.51	10.46	11.37	13.26	17.18	19.09
□ 50x100	6000	32					13.14	14.33	16.66	21.60	24.00
□ 60x120	6000	18							20.07	26.03	28.92

Chiều dài tiêu chuẩn: 6000mm
Length standard: 6000mm

Dung sai cho phép về trọng lượng: ± 1%
Toleranca of weight: ± 1%